

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 09-8-2025.

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút.

2. Ông Cao Văn Truyện.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên toà:** Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2025 tại Cơ sở 2 - Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025, Thông báo số: 32/TB-TA ngày 27 tháng 6 năm 2025 về việc thay đổi thời gian mở phiên toà và Thông báo số: 32/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2025 về thời gian, địa điểm mở lại phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà số: 08/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T1. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu C- Số A, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cũ). Người đại diện pháp luật: Ông Chun Young I – Chức danh: Tổng Giám đốc; đại diện khởi kiện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ – Chức vụ: Giám đốc Khối Thu hồi nợ (Theo Giấy ủy quyền số 048/2024/GUQ-TGD ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tổng Giám đốc); đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân H – Chức danh: Nhân viên Công ty L, địa chỉ liên hệ: Số H đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 41/2024/UQ – KK-SVFC ngày 11/11/2024 của Giám đốc Khối Thu hồi nợ và Văn bản uỷ quyền số: 06/UQ2024 ngày 11/11/2024 của Giám đốc Công ty L).

- *Bị đơn*: Bùi Thị Huyền T - sinh ngày: 01/05/1993, địa chỉ cư trú: Tổ E, thôn G, phường H, thành phố Đà Nẵng (Tổ E, thôn G, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cũ); CCCD số: 049193003013, cấp ngày 17/10/2019 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Toà án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) ngày 04 tháng 12 năm 2024, các bản tự khai ngày 02 tháng 4 năm 2025, ngày 19 tháng 5 năm 2025 và tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, bà Bùi Thị Huyền T và Công ty T1 (gọi tắt là Công ty T1) ký hợp đồng cho vay số: 100434287 theo Phiếu đề nghị cấp khoản vay ngày 26/11/2020 của bà T. Theo đó, Công ty T1 cho bà T vay số tiền 48.000.000đ (*bốn mươi tám triệu đồng*), với mục đích vay: mua phương tiện đi lại, mức lãi suất trong hạn: 36%/năm, mức lãi suất quá hạn 54%/năm, mức lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm, loại hình vay: tín chấp. Công ty T1 đã tiến hành giải ngân ngay sau khi ký hợp đồng, bà T có nghĩa vụ trả nợ theo lịch trả nợ với tổng số 48 kỳ (trả vào ngày 16 hàng tháng), mỗi kỳ trả cả gốc và lãi với tổng số tiền 1.873.308đ (*một triệu tám bảy mươi ba nghìn ba trăm lẻ tám đồng*), kỳ đầu tiên thanh toán vào ngày 16/12/2020, kỳ cuối cùng trả vào ngày 16/11/2024.

Sau khi vay, bà T thanh toán nợ được 33 kỳ (vào ngày 16/8/2023) với tổng số tiền 61.175.933đ (*sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*), trong đó: số tiền gốc đã thanh toán là 25.668.208đ, số tiền lãi đã thanh toán là 35.507.725đ.

Bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ kỳ thanh toán 34 vào ngày 16/09/2023 cho đến nay, mặc dù Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng bà T vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty T1 yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giải quyết buộc bà T phải: Thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần tổng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 09/08/2025 là 44.235.842đ (*bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 22.331.792đ (*hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng*), nợ lãi trong hạn là 5.752.525đ (*năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn là 15.292.016đ (*mười lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng*), tiền lãi do chậm trả lãi là 859.509đ (*tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm lẻ chín đồng*); đồng thời, bà T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày 10/08/2025 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Bị đơn bà Bùi Thị Huyền T đã được Toà án cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên toà và Quyết định hoãn phiên toà nhưng không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:* Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2025 là 44.235.842đ (*bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*).

+ Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Bùi Thị Huyền T còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: 100434287 ngày 30 tháng 11 năm 2020 đã ký kết với Công ty T1.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng (Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ) thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với bà Bùi Thị Huyền T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Công ty T1 đã cho bà Bùi Thị Huyền T vay số tiền 48.000.000đ (*bốn mươi tám triệu đồng*) theo Phiếu đề nghị cấp khoản vay ngày 26/11/2020 của bà T và hợp đồng cho vay số: 100434287 được hai bên ký kết vào ngày 30/11/2020, với mục đích vay: mua phương tiện đi lại, mức lãi suất trong hạn: 36%/năm, mức lãi suất quá hạn 54%/năm, mức lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm, loại hình vay: tín chấp, bà T có nghĩa vụ trả nợ theo lịch trả nợ với tổng số 48 kỳ trả nợ (trả vào ngày 16 hàng tháng), mỗi kỳ trả cả gốc và lãi với tổng số tiền 1.873.308đ (*một triệu tám bảy mươi ba nghìn ba trăm lẻ tám đồng*), bắt đầu vào ngày 16/12/2020 và kỳ cuối cùng trả vào ngày 16/11/2024. Bà T đã trả nợ đến kỳ thứ 33 với tổng số tiền là 61.175.933đ (*sáu mươi một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba*

mười ba đồng), trong đó: Tiền gốc là 25.668.208đ (*hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng*), số tiền lãi đã thanh toán là 35.507.725đ (*ba mươi lăm triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*). Từ kỳ thanh toán thứ 34 (ngày 16/9/2022) đến nay bà T không thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu trả nợ. Trong khi đó, bà T không đến Toà án tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do bà Bùi Thị Huyền T không thực hiện thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận nên Công ty T1 khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, hợp đồng cho vay số: 100434287 ngày 30/11/2020, lịch trả nợ ngày 30/11/2020, Giấy cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân ngày 30/11/2020.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty T1 yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị Huyền T thanh toán tổng số tiền nợ là 44.235.842đ (*bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 22.331.792đ (*hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng*), nợ lãi trong hạn là 5.752.525đ (*năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn là 15.292.016đ (*mười lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng*), tiền lãi do chậm trả lãi là 859.509đ (*tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm lẻ chín đồng*). Ngoài ra, đại diện Công ty T1 còn yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh do chậm trả đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu thanh toán của đại diện nguyên đơn đối với bị đơn đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: 100434287 ngày 30/11/2020, lịch trả nợ ngày 30/11/2020, Giấy cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân ngày 30/11/2020 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] *Về án phí:* Bà Bùi Thị Huyền T phải chịu 2.211.800đ (44.235.842đ x 5%, đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với bà Bùi Thị Huyền T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc bà Bùi Thị Huyền T phải trả cho Công ty T1 tổng số tiền là 44.235.842đ (*bốn mươi bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 22.331.792đ (*hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng*), nợ lãi trong hạn là 5.752.525đ (*năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 09/8/2025 là 15.292.016đ (*mười lăm triệu hai trăm chín mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng*), tiền lãi do chậm trả lãi tính đến ngày 09/8/2025 là 859.509đ (*tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Bùi Thị Huyền T còn phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc (22.331.792đ) theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số: 100434287 ngày 30/11/2020 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Huyền T phải chịu 2.211.800đ (*hai triệu hai trăm mười một nghìn tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 861.259đ (*tám trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi chín đồng*) theo biên lai thu số 0008382 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cũ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

3. Về quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/8/2025). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND KV4 - Đà Nẵng;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn